TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HS-ST
Ngày: 17- 9- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng - Chủ tịch Hội cựu chiến binh thị trấn Xuân Trường;

Ông Nguyễn Tiến Phương - Giáo viên Trường trung học phổ thông Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân Hện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:** Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên**.**

Ngày 17 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Hồng S, sinh ngày 24/12/1995, tại xã K, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 16, xã K, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị M; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 23/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xử phạt 06 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; bị tạm giữ từ ngày 27/4/2019 đến ngày 06/5/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; "có mặt".

2. Trần Văn L, sinh ngày 08/8/1989, tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông

Trần Văn Đ và bà Trần Thị L; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 12/11/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; ngày 13/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xử phạt 07 năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/4/2019 đến ngày 06/5/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; "có mặt".

3. Trần Bùi D, sinh ngày 29/10/2001 tại xã H, Hện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 9, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Bùi T và bà Hoàng Thị V; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Bùi D*: Anh Bùi Trọng B, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 11, xã V, huyện X, tỉnh Nam Định. "có mặt".

- *Người bào chữa của bị cáo Trần Bùi D:* Bà Trần Thị Nga - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

- *Bị hại*:

1. Anh Mai Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 10, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Bùi T, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 9, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định. "có mặt".

- *Người làm chứng*: Anh Trần Văn N, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 17, xã V, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 18/4/2019, Bùi Hồng S đang làm thuê cho cửa hàng nội thất nhựa của anh Trần Văn N ở phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình thì Trần Văn L gọi điện từ thành phố Hà Nội cho S hỏi địa chỉ để đến chơi. L mang theo 01 vam phá khóa xe mô tô bằng kim loại, hình chữ T, dài khoảng 7 cm về Ninh Bình gặp S. L rủ S đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, S đồng ý và rủ L về địa bàn huyện X, tỉnh Nam Định để trộm cắp tài sản. Chiều ngày 19/4/2019, S mượn xe mô tô Honda Dream, BKS: 35G1- 01646 của anh N chở L về Hện X. Khi về đến khu vực cầu L, xã N, cả 2 đến quán

HIGHCHA tại tổ 16, thị trấn X ngồi uống nước. Tại đây S gọi điện thoại cho Trần Bùi D đến. Khi D đến S bảo "Tối khi nào anh gọi thì ra chạy xe cho anh bán được anh chia cho". D hiểu ý của S là khi trộm cắp được xe thì D đến điều khiển xe cùng nhau đi tiêu thụ, nên D đồng ý. Sau đó, D về nhà còn L chở S đi lòng vòng tìm xe sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực nhà thờ xứ K thuộc xóm 4, xã T phát hiện có nhiều xe mô tô dựng trong sân nhà thờ. S bảo L "anh đứng đợi để em vào trong xem thế nào" rồi S mang theo vam phá khóa đi bộ vào trong sân nhà thờ và tiếp cận chiếc xe mô tô nhãn hiệu WOLWIDE, BKS: 18Z9-4218 của anh Mai Văn T. Quan sát mọi người không để ý, không có người trông coi, S dùng vam phá khóa điện, nổ máy điều khiển đi về hướng cầu L. Trên đường đi S gọi điện thông báo cho L là đã trộm được xe và hẹn gặp nhau ở cây xăng Đ, huyện T. Đến cây xăng Đ, S mở cốp xe thấy có 01 ví da màu đen bên trong có 100.000đ; 01 đăng ký xe mô tô BKS: 18Z9-4218 và chứng minh nhân dân mang tên Mai Văn T, S đưa đăng ký xe cho L cầm còn ví da cùng giấy tờ S bỏ vào túi quần và dùng 100.000đ để đổ xăng. Sau đó, S gọi điện cho Trần Bùi D đến. Khoảng 15 phút sau D đi xe taxi đến S nói với D "Bọn anh vừa trộm được xe mô tô đi bán với anh" D đồng ý rồi cả ba đi sang địa bàn Hện Ý Yên tìm nơi tiêu thụ nhưng không bán được. Trên đường đi S ném chiếc ví da cùng giấy tờ ở dọc đường. Sau đó, S đưa xe mô tô 18Z9-4218 cho L lên Hà Nội tìm chỗ tiêu thụ, còn S điều khiển xe mô tô BKS 35G1-01646 chở D về X.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 23/4/2019, Bùi Hồng S mang theo 01 vam phá khóa tự chế bằng kim loại, hình chữ L, dài khoảng 07 cm đón xe khách từ thành phố N về huyện X với mục đích trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 15 giờ S về đến khu vực cầu L rồi gọi điện cho Trần Bùi D ra đón. Khoảng 15 phút sau D đi xe mô tô BKS: 18S9-9483 đến đón S sau đó cả hai đi tìm tài sản để trộm cắp. Khoảng 18 giờ cùng ngày, D chở S về quán Internet ở xóm 10, xã H, huyện X, S vào chơi, D về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, D đi xe mô tô ra quán internet chở S đi ăn, đến khoảng hơn 20 giờ S bảo D "Ở quán internet anh vừa chơi có nhiều xe máy dựng ở ngoài không có người trông coi, anh em mình cùng trộm xe máy, nếu lấy được bán anh cho tiền" D đồng ý. Sau đó, D chở S quay lại quán Internet tại xóm 10, xã H phát hiện thấy chiếc xe mô tô Honda DREAM, BKS: 18Y1-4197 của anh Phạm Văn H dựng trước cửa quán nên S bảo D vào quán internet chơi để tránh sự quan sát của mọi người, còn S ở ngoài dùng vam phá khóa điện nổ máy, điều khiển xe ra khu vực cầu L, S mượn điện thoại của một người phụ nữ không quen biết điện thoại cho D nói "Anh lấy được xe rồi, ra cầu L anh chờ, rồi đi bán xe", D đồng ý. S đứng đợi một lúc không thấy D nên đã điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ nhưng chưa bán được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 02/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu

WOLDWIDE, BKS: 18Z9-4218, xe do Trung Quốc sản xuất, đã qua sử dụng, đăng ký năm 2002, số máy MG3-10718553, số khung: Y-0718553, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.500.000đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 18Y1-4197, xe do Việt Nam sản xuất, đã qua sử dụng, đăng ký năm 2008, số máy A08E-1070174, số khung: Y-058443, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trên.

Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố Trần Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Hồng S, Trần Bùi D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Hồng S, Trần Văn L và Trần Bùi D phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, o khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Hồng S từ 30 đến 36 tháng tù.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 36 đến 39 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 91; Điều 100; xử phạt bị cáo Trần Bùi D từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo Bùi Hồng S, Trần Văn L khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 04 chiếc điện thoại di động đã thu giữ mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo S số tiền 2.230.000đ; trả lại cho anh Trần Bùi Tiên chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAYANG BKS 18S9-9483, S màu nâu và đăng ký xe.

Người bào chữa của bị cáo Trần Bùi D trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo D mà Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố là đúng người, đúng tội,

đúng pháp luật. Nhất trí với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu trong bản luận tội, tuy nhiên bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, yếu kém đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 và Điều 100 Bộ luật Hình sự cho bị cáo D được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để bị cáo sớm có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Bùi Hồng S, Trần Văn L, Trần Bùi D, người đại diện hợp pháp của bị cáo D không có tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo D và người đại diện hợp pháp nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của các bị cáo S, L và D như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp kết quả định giá tài sản cũng như lời khai của những bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/4/2019, tại nhà thờ xứ K thuộc xóm 4, xã T, Bùi Hồng S, Trần Văn L và Trần Bùi D lợi dụng sự sơ hở của chủ hữu tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu WOLWIDE, BKS: 18Z9-4218 của anh Mai Văn T có giá trị 3.500.000đ và ngày 23/4/2019, tại quán Internet thuộc khu vực xóm 10, xã H, Bùi Hồng S và Trần Bùi D có lợi dụng sự sơ hở của chủ hữu tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 18Y1- 4197 của anh Phạm Văn H có giá trị là 8.000.000đ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo S, L, D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"; Trần Văn L có hai tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bùi Hồng S có một tiền án chưa được xóa án tích nên S phải chịu tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đối với Trần Bùi D tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố là có căn cứ.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo S, L, D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, có thể chất, tinh thần bình thường, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng bản thân lại không chịu lao động làm ra của cải mà lại đi trộm cắp tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo S và bị cáo L đã từng bị kết án về tội phạm liên quan đến tài sản chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật nên phải bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự. Bị cáo D là người có độ tuổi chưa thành niên, độ tuổi cắp sách tới trường nhưng ham chơi, đua đòi, nghỉ học ở nhà, vì thiếu tiền tiêu xài nên đã nghe lời rủ rê của bị cáo S tham gia tích cực giúp bị cáo S trộm cắp tài sản, hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật nên cũng phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ thứ nhất bị cáo L là người khởi xướng rủ rê bị cáo S và chuẩn bị công cụ phạm tội đi trộm cắp tài sản, S là người chuẩn bị phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên hai bị cáo có vai trò ngang nhau và giữ vai trò thứ nhất; bị cáo D mặc dù không trực tiếp tham gia nhưng trước đó biết L và S đi trộm cắp tài sản không ngăn chặn, sau khi trộm cắp được xe D đã tích cực tham gia cùng S, L đi tìm nơi tiêu thụ, vì vậy D là đồng phạm với vai trò giúp sức. Trong vụ án thứ hai, bị cáo D cùng bị cáo S trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản nhưng S là người khởi xướng, rủ rê bị cáo D và trực tiếp chiếm đoạt tài sản nên S có vai trò đầu, D có vai trò sau.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bùi Hồng S và Trần Bùi D hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra Bùi Hồng S phải chịu tình tiết tăng nặng "xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn L không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự nào . Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Bùi D còn

được hưởng tình tiết giảm nhẹ do được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D là người chưa thành niên phạm tội nên được áp dụng những quy định của pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[5] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách ly các bị cáo S và Lệ ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt. Đối với bị cáo D, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt thích đáng tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập của bị cáo là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và răn đe phòng ngừa chung cũng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo S, Lệ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp. Bị cáo D là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại anh Mai Văn T, anh Phạm Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về bồi thường dân sự; đối với chiếc ví da cùng giấy tờ khác của anh T mà bị cáo S đã vứt đi không thu hồi được, anh T không yêu cầu bị cáo S bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 chiếc điện thoại của các bị cáo dùng để liên lạc trong việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 2.230.000đ là tài sản hợp pháp của bị cáo S nên trả lại cho bị cáo. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAYANG BKS: 18S9-9483, S màu nâu và đăng ký xe là tài sản hợp pháp của anh Trần Bùi Tiên nên trả lại anh Tiên.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn L; khoản 1 Điều 173; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hồng S; khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; các Điều 36, 91, 100 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Bùi D. Tuyên bố các bị cáo Bùi Hồng S, Trần Văn L, Trần Bùi D phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Xử phạt bị cáo Bùi Hồng S 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2019;

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2019;

- Xử phạt bị cáo Trần Bùi D 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Bùi D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Bùi D.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại bị cáo Bùi Hồng S số tiền 2.230.000đ (hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng);

- Trả lại anh Trần Bùi Tiên 01 xe mô tô nhãn hiệu DAYANG BKS: 18S9 – 9483 và 01 đăng ký xe số 0132738 mang tên Tô Thị Hương cấp cho xe BKS 18S9-9483;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo CE 0700 vỏ màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, vỏ màu xanh bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen;

(Các vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 62/CCTHA và biên lai thu tiền số AA/2012/06312 lập cùng ngày 04/9/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Toà án buộc các bị cáo Bùi Hồng S, Trần Văn L, Trần Bùi D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Bùi Hồng S, Trần Văn L, Trần Bùi D, người có quyền lợi liên quan Trần Bùi Tiên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại Mai Văn T và Phạm Văn H được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp L.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã H;
- UBND xã K;
- UBND xã Y
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thung